

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
CHU VĂN AN

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 8
NĂM HỌC: 2024 - 2025

I. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Đọc hiểu văn bản (5,0 điểm)

Câu 2: Viết bài văn nghị luận (5,0 điểm)

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. TRI THỨC NGỮ VĂN THỂ LOẠI TRUYỆN CƯỜI

- *Truyện cười* là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí hoặc phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.

- *Cốt truyện* thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đẩy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười.

- *Bối cảnh* thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm của thiên nhiên, văn hóa, phong tục gắn liền với từng truyện.

- *Nhân vật* thường có hai loại:

+ Loại thứ nhất thường là nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, ham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp cụ thể. Đây là đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức chân dung hài hước, lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mỹ.

+ Loại thứ hai thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến (truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột...) hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại (truyện Bác Ba Phi...).

- *Ngôn ngữ* thường ngắn gọn, súc tích, hài hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn...
- *Các thủ pháp gây cười* khá đa dạng, linh hoạt. Dưới đây là một số thủ pháp thường gặp:

1. Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:
 - a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động...
 - b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật, tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị.
2. Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng (lời nói khoa trương, phóng đại, chơi chữ...)

2. TRI THỨC TIẾNG VIỆT

a. Từ tượng hình, từ tượng thanh và tác dụng

- *Từ tượng hình* là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật, chẳng hạn: gập ghềnh, khẳng khiu, lom khom...

Ví dụ:

*Ao sâu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*

(Nguyễn Khuyến, *Thu điếu*)

Tẻo teo: gợi tả hình ảnh nhỏ bé đến mức không đáng kể.

- *Từ tượng thanh* là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế, chẳng hạn: khúc khích, róc rách, tích tắc...

Ví dụ:

*Đom đóm bay ra ngoài ao. Đom đóm đã vào nhà
Em bé nhìn đom đóm bay, chờ tiếng bàn chân mẹ
Bàn chân mẹ lội bùn ì oạp phía đồng xa*

(Vũ Quần Phương, *Đợi mẹ*)

Ì oạp: mô phỏng âm thanh mạnh, liên tiếp của bàn chân lội trong bùn.

- Từ tượng hình và từ tượng thanh mang giá trị biểu cảm cao; có tác dụng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, âm thanh một cách sinh động và cụ thể; thường được sử dụng trong các sáng tác văn chương và lời ăn tiếng nói hằng ngày.

b. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

- Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:

- + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ...
- + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng...
- + Tuyệt (dứt, hết...): tuyệt bút, tuyệt nhiên...
- + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận...

c. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

- *Nghĩa tường minh* là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.

- *Nghĩa hàm ẩn* là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến.

Ví dụ: Có công mài sắt, có ngày nên kim. (Tục ngữ)

- Câu tục ngữ trên có nghĩa tường minh: Nếu bỏ công sức ra mài một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ẩn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ẩn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thân và chú ý đến các từ ngữ quan trọng trong câu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này, chúng ta phải chú ý đến các từ ngữ “mài sắt”, “nên kim”. Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.

3. TRI THỨC TẠO LẬP VĂN BẢN

Cấu trúc của một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống gồm 3 phần:

*** Mở bài:**

- Nêu vấn đề cần bàn luận.
- Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.

*** Thân bài:**

1. *Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận*
2. *Bàn luận:*
 - Trình bày vấn đề cần bàn luận.

- Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.
- Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.

*** Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề.
- Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học.

III. THỰC HÀNH

Đề 1

Câu 1. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THI NÓI KHOÁC

Một hôm được nghỉ, bốn quan họp nhau đánh chén, nhân lúc cao hứng liền mở cuộc thi nói khoác. Quan thứ nhất nói:

- Tôi còn nhớ, ngày tôi trọng nhậm ở huyện nọ, tôi được trông thấy một con trâu to lắm, nó liếm một cái hết cả sào mạ!

Quan thứ hai nói:

- Thế đã lấy gì làm lạ. Tôi còn trông thấy một sợi dây thừng gấp mười cái cột đình làng này!

Quan thứ nhất biết ông kia nói lờm mình, bèn chịu thua và giục quan thứ ba lên tiếng. Quan thứ ba nói:

- Tôi đã từng thấy một cây cầu dài lắm, đứng đầu này không thể trông thấy đầu kia. Chỉ biết rằng có hai bố con nhà nọ, kẻ ở bên này, người ở bên kia, mà chẳng bao giờ gặp nhau được. Lúc ông bố chết, người con nghe tin, vội vã sang đưa đám ma, nhưng khi qua cầu sang đến nơi thì đã đoạn tang được ba năm rồi.

Đến lượt quan thứ tư:

- Thế kẻ cũng đã ghê đấy. Nhưng tôi lại còn trông thấy một cái cây cao khiếp lắm! Cứ biết rằng trứng chim ở ngọn cây rơi xuống mới đến nửa chừng, chim đã nở đủ lông đủ cánh bay đi rồi.

Quan thứ ba hiểu ý muốn nói cây dùng để làm cái cầu mình nói nên đành chịu thua.

Bốn ông quan đắc ý, vỗ đùi cười ha ha. Bỗng có tiếng thét thật to làm các quan giật bắn người:

- Đồ nói láo cả! Lính đâu? Trói cổ chúng nó lại cho ta!

Các quan sợ run cầm cập, ngo ngác nhìn trước nhìn sau xem ai, thì té ra là anh lính hầu. Lúc ấy, các quan mới lên giọng:

- Thằng kia, mày định trối ai thế?

- Bẩm quan, con thấy các quan thì nhau nói khoác thì con cũng nói khoác chơi đây ạ!

(Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2009)

1. Xác định đề tài của câu chuyện trên.
2. Theo em, nhân vật trong câu chuyện trên thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cười?
3. Tại sao có thể nói: Nội dung nói khoác của ông quan thứ hai và ông quan thứ tư đều có ý “nói lờm” ông quan thứ nhất và ông quan thứ ba? Điều gì khiến người đọc buồn cười qua câu chuyện này?
4. Xác định một từ tượng hình trong phần in đậm, đặt câu với từ vừa tìm được.
5. Theo em, truyện *Thi nói khoác* chủ yếu nhằm mục đích gì? Em hãy nêu một số tác hại của nói khoác và rút ra bài học cần thiết cho bản thân qua câu chuyện.

Câu 2.

Viết bài văn nghị luận bày tỏ quan điểm đồng tình hay phản đối về vấn đề cấm học sinh sử dụng điện thoại thông minh trong trường học.

Đề 2

Câu 1. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

ĐẾN CHẾT VẪN HÀ TIỆN

Ngày xưa có anh nhà giàu, tính hà tiện, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, chỉ khư khư tích của làm giàu. Có người bạn rủ ra tỉnh chơi, anh nấn ná không đi vì sợ, đi với bạn phải đãi bạn. Bị người ta chê cười mãi, một hôm, anh vào buồng giắt một quan tiền vào lưng, rồi sai một người ở cùng đi lên tỉnh.

Đến tỉnh, anh trông thấy cái gì cũng muốn mua, nhưng sợ mất tiền rồi lại thôi. Trời nắng như thiêu, anh muốn vào quán uống nước, nhưng sợ phải trả tiền cho người nhà, đành đi qua.

Đến chiều trở về, khi qua đò, đến giữa dòng, anh khát quá không chịu được mới cúi xuống uống nước chẳng may lộn cổ xuống sông.

Anh người nhà vội kêu to lên:

- *Ai cứu chủ tôi, xin thưởng một quan tiền!*

Anh keo kiệt đang loay hoay giữa dòng, nghe tiếng, cố ngoi lên nói:

- *Một quan đấy lắm!*

Anh người nhà vội chữa lại:

- *Thôi thì năm tiền vậy!*

Anh keo kiệt lại cố ngoi lên một lần nữa và chỉ kịp nói: “Năm tiền còn đắt quá...!” rồi chìm nghỉm.

(truyendangian.com)

1. Xác định bối cảnh câu chuyện trên.
2. Theo em, nhân vật trong câu chuyện trên thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cười?
3. Đối tượng phê phán trong truyện là ai? Sự việc “*Anh keo kiệt lại cố ngoi lên một lần nữa và chỉ kịp nói: “Năm tiền còn đắt quá...!”*” rồi chìm nghỉm chứng tỏ điều gì?
4. Chỉ ra nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong lời thoại của anh keo kiệt:
Anh keo kiệt đang loay hoay giữa dòng, nghe tiếng, cố ngoi lên nói:
- Một quan đấy lắm!
5. Em hãy nêu sự khác nhau giữa tiết kiệm và keo kiệt. Qua câu chuyện trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?

Câu 2.

Viết bài văn nghị luận bày tỏ quan điểm đồng tình hay phản đối về vấn đề cấm sử dụng vật dụng bằng ni lông để bảo vệ môi trường.

HẾT

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

NHÓM TRƯỞNG

Đào Minh Kha